CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017

(Đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BẢN SAO

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Diễn Châu tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Diễn Châu, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu. Sau khi Cổ phần hóa, Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900619702 đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 10 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 10 tháng 03 năm 2016 là: 14.786.040.000 đồng (Bằng chữ: *Mười bốn tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng vốn chủ sở hữu theo thực tế là 18.757.351.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu vẫn do nhà nước nắm giữ 93,82% tổng số cổ phần, cá nhân nắm giữ 6,18% tổng số cổ phần. Theo kế hoạch thoái vốn của Nhà nước, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc dự kiến trong 2018 sẽ tiến hành bán toàn bộ 93.82% Cổ phần của Nhà nước sang cho các cá nhân có nhu cầu theo Luật định.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm Ngọc Tân, Xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Văn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 10/03/2016 đến ngày 19/7/2016)
Ông Hoàng Văn Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 20/7/2016 đến bây giờ)
Ông Trương Văn Hai	Thành viên
Ông Phan Huy Thịnh	Thành viên

Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trương Văn Hai	Giám đốc
Ông Hoàng Văn Minh	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thoa	Kế toán trưởng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc được yêu cầu phải phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BẢN SAO

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 23. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 2900619702 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

Trương Văn Hai
Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2018

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5241 Quyển số 01.SCT/BS
NGÀY 13-12-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu

AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX
MANAGEMENT CONSULTANT

COM.PT CO.,LTD
32/203, Chua Boc Street, Dong Da District, Ha Noi
Tel: (84-24) 3 5 640 218; 6 2517 402
Fax: (84-24) 6 2517 402
Email: comptkiemtoan@gmail.com

BẢN SAO

Số: 0903/2018/BCTC-COM.PT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cơ quan quản lý Nhà nước**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 27/2/2018, từ trang 6 đến trang 23*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

COM.PT
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN
THẤU HIỂU THỰC TIỄN
VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Lưu ý với người sử dụng Báo cáo tài chính

Năm 2017, Các cơ quan chức năng chưa tiến hành thanh, kiểm tra quyết toán các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu. Sau khi thanh, quyết toán với cơ quan chức năng, nếu có sự chênh lệch thì điều chỉnh theo quyết toán của cơ quan Nhà nước.

BẢN SAO

Thay mặt và đại diện cho,
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT

M.S.D.N: 0101119121 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Trần Lam Hồng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2454-2014-069-1

Hoàng Giang
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2928-2014-69-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2018

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5242 Quyển số 01.SCT/BC
NGÀY 13-12-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.771.753.748**	**1.186.475.469**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**665.058.652**	**477.333.412**
1. Tiền	111	V.1	665.058.652	477.333.412
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**149.022**	**11.736.847**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	149.022	11.736.847
IV. Hàng tồn kho	140		**135.942.228**	-
1. Hàng tồn kho	141	V.4	135.942.228	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**970.603.846**	**697.405.210**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		909.254.364	636.243.872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	61.349.482	61.161.338
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**22.157.638.693**	**14.579.333.558**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**100.000.000**	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**17.582.744.986**	**14.542.616.364**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	17.582.744.986	14.542.616.364
Nguyên giá	*222*		20.177.518.404	16.274.677.959
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		(2.594.773.418)	(1.732.061.595)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.439.625.049	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**35.268.658**	**36.717.194**
4. Tài sản dài hạn khác	*268*	V.6	35.268.658	36.717.194
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**23.929.392.441**	**15.765.809.027**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**165.034.277**	**177.336.016**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**165.034.277**	**177.336.016**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		20.433.600	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.709	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	21.760.732	39.656.728
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8	122.825.236	137.679.288
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**23.764.358.164**	**15.588.473.011**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**23.764.358.164**	**15.588.473.011**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.9	18.757.351.000	15.583.713.600
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.007.164	4.759.411
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		4.969.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**23.929.392.441**	**15.765.809.027**

M.S.D.N: 2900619705
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU
NGHỆ

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5245 Quyển số 01SCT/BS
NGÀY 13-12-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Thị Thoa
Người lập biểu

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2018

Trương Văn Hai
Giám đốc

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU
Địa chỉ: Xóm Ngọc Tân, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, Nghệ An

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

BẢN SAO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**4.903.345.076**	**4.265.678.306**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.1**	**4.903.345.076**	**4.265.678.306**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.494.297.068	2.978.670.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.409.048.008**	**1.287.007.796**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	219.590	349.707
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.194.383	2.280.032
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.340.130.460	1.616.401.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**66.942.755**	**(331.324.015)**
11. Thu nhập khác	31		-	373.010.042
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	**40**		**-**	**373.010.042**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**66.942.755**	**41.686.027**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	13.388.551	1.189.853
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**53.554.204**	**40.496.174**

M.S.D.N: 2900619702
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 52 Quyển số: SCT/BS
NGÀY 13-12-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Thị Thoa
Người lập biểu

Trương Văn Hai
Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.544.478.078	4.800.733.062
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(831.107.967)	(2.252.158.972)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.720.877.617)	(1.479.027.253)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(15.000.000)	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		25.643.190	105.399.367
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.117.034.918)	(1.260.364.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***886.100.766***	***(85.418.199)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(698.375.526)	(1.177.272.727)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(698.375.526)***	***(1.177.272.727)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.020.000.000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	***1.020.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	***50***		**187.725.240**	**(242.690.926)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**477.333.412**	**720.024.338**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**665.058.652**	**477.333.412**

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5295 Quyển số 01/2018
NGÀY 13-12-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

M.S.D.N: 2900[illegible]
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU

Hoàng Thị Thoa
Người lập biểu

Trương Văn Hai
Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

a. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Diễn Châu tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Diễn Châu, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu. Sau khi Cổ phần hóa, Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900619702 đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 10 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 10 tháng 03 năm 2016 là: 14.786.040.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng vốn chủ sở hữu theo thực tế là 18.757.351.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Cấp nước Diễn Châu vẫn do nhà nước nắm giữ 93,82% tổng số cổ phần, cá nhân nắm giữ 6,18% tổng số cổ phần. Theo kế hoạch thoái vốn của Nhà nước, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc dự kiến trong 2018 sẽ tiến hành bán toàn bộ 93.82% Cổ phần của Nhà nước sang cho các cá nhân có nhu cầu theo Luật định.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm Ngọc Tân, Xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

b. Lĩnh vực kinh doanh.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: sản xuất kinh doanh nước sạch

c. Ngành nghề kinh doanh.

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Đối với các nghành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

d. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

a. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán Công ty áp dụng là đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày BCTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

e. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

III. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

a. Hướng dẫn về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đã ban hành của Chính phủ liên quan về thuế

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định 146/2017/NĐ-CP ("Nghị định 146") nhằm sửa đổi bổ sung 2 Nghị định là Nghị định 100/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/07/2016 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12/02/2015; Nghị định 146 có hiệu lực từ ngày 01/02/2018. Ban Giám đốc đánh giá Nghị định 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

a. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

b. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:
- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;

BẢN SAO

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

d. Các khoản đầu tư

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn,... Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

e. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thơi gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

f. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

g. Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

h. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN SAO

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính mà chi phí phát sinh trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai, dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác được phê duyệt.

(ii) Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017
- Nhà cửa vật chất	08 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 12
- Phương tiện vận tải	08 - 12
- Phương tiện truyền dẫn	08 - 30

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

k. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản, bao gồm: Chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

l. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

m. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian, được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc dồn tích.

Phải trả người bán, gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh liên kết)

BẢN SAO

Phải trả khác, gồm: Các khoản phải trả không có tính tương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;

- Các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, như: Phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ...

- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân dối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính.

n. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế vốn góp của các cổ đông

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá phát hành cổ phiếu (nếu có), chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ (nếu có).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

o. Các khoản Thuế

(i) Thuế GTGT, Thuế GTGT được hoàn, Thuế môn bài, Thuế TNCN, Thuế Nhà thầu nước ngoài được xác định các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến các sắc thuế này

(ii) Thuế TNDN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có). Số thuế thu nhập phải trả hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế trong kỳ khác với lợi nhuận thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay các chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản không chịu thuế hoặc không được khấu trừ theo quy định của luật thuế TNDN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo lãi suất dự tính sẽ được áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào Vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

Tài sản thuế thu nhập hoãn lãi và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sơ thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về Thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Xác định lỗ và chuyển lỗ (nếu có) được xác định theo quy định tại điều 7 tại quy định 218/2013 NĐ-CP ngày 26/12/2013.

Đối với năm 2017, doanh nghiệp đang được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%

p. Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

(iiii) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

q. Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

r. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế

s. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

(i) Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

(ii) Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

(iii) Chi phí khác là khoản chi phí ngoài các khoản chi phí nêu trên

t. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

BẢN SAO

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	605.438.391	405.653.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - Tài khoản VND	59.620.261	71.679.654
Tiền VND gửi Ngân hàng NN&PTNT Diễn Châu	31.429.212	45.842.301
Tiền VND gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Diễn Châu	28.191.049	25.837.353
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	**665.058.652**	**477.333.412**

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	**149.022**	-	**11.736.847**	-
- Phải thu khách hàng	149.022	-	11.736.847	-
Cộng	**149.022**	-	**11.736.847**	-

3. NỢ XẤU

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng - Thương mại (1)	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

(1) Do các khoản phải thu chủ yếu là đến từ doanh thu bán nước sạch là dịch vụ bán hàng thu tiền ngay, ít khách hàng nợ vì ảnh hưởng đến nhu cầu nước sạch hàng ngày dẫn đến nguy cơ rủi ro nợ xấu, nợ khó đòi là thấp.

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	135.942.228	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ;	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	-	-	-	-
- Thành phẩm;	-	-	-	-
- Hàng hóa;	-	-	-	-
- Hàng gửi bán;	-	-	-	-
Cộng	**135.942.228**	-	-	-

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Phương tiện truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2017	**6.080.295.542**	**1.265.406.072**	**716.203.264**	**8.212.773.081**	**16.274.677.959**
Mua trong năm	-	-	248.551.273	-	248.551.273
XDCB hoàn thành	95.767.044	-	-	4.263.468.455	4.359.235.499
Tăng khác	-	-	-	222.326.400	222.326.400
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-			-	-
Giảm khác	-	927.272.727	-	-	927.272.727
Tại ngày 31/12/2017	**6.176.062.586**	**338.133.345**	**964.754.537**	**12.698.567.936**	**20.177.518.404**
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2017	**596.356.187**	**53.915.475**	**123.899.315**	**957.890.618**	**1.732.061.595**
Khấu hao trong năm	232.350.079	49.005.057	88.236.640	493.120.047	862.711.823
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-			-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	**828.706.266**	**102.920.532**	**212.135.955**	**1.451.010.665**	**2.594.773.418**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2016	**5.483.939.355**	**1.211.490.597**	**592.303.949**	**7.254.882.463**	**14.542.616.364**
Tại ngày 31/12/2017	**5.347.356.320**	**235.212.813**	**752.618.582**	**11.247.557.271**	**17.582.744.986**

Trong đó:
+ Tại thời điểm 1/1/2017, Công ty kiểm kê phát hiện cụm Tài sản là Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Tháp - Hồng - Kỳ, huyện Diễn Châu đã được UBND huyện Diễn Châu phê duyệt quyết toán vốn hoàn thành theo Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 với giá trị hoàn thành là 3.971.311.000 đồng, chưa đưa vào giá trị TSCĐ và trích khấu hao. Ban Giám đốc sau khi xin ý kiến Cơ quan chủ quản, đã tiến hành đưa vào ghi tăng TSCĐ, ghi Vốn chủ sở hữu và trích khấu hao kể từ ngày 1/1/2017.
+ Năm 2016, Công ty dựa vào Biên bản bàn giao thực tế và Quyết toán giao nhận tài sản loại trừ không tính vào giá trị Doanh nghiệp Cổ phần hóa giữa Trung tâm Giao dịch, đấu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản và Công ty Cổ phần cấp nước Diễn Châu ký ngày 10/10/2016, Công ty đã chủ động đưa giá trị tài sản không cần dùng là phương tiện truyền dẫn giá trị: 222.236.000 đồng ra khỏi TSCĐ và ghi giảm vốn. Sang năm 2017, Công ty đã điều chỉnh trở lại bút toán trên.
+ Năm 2017, Công ty đã điều chỉnh giảm 927.272.727 đồng giá trị Công trình thay đổi nguồn nước thô bị ô nhiễm do Tài sản đang còn xây dựng dở dang chưa hoàn thành mà do cuối năm 2016 Công ty đã hạch toán nhầm tăng Tài sản cố định.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Số đầu kỳ - 1/1/2017	**36.717.194**
Số phát sinh trong kỳ	38.654.780
Số phân bổ trong kỳ	(40.103.316)
Số dư cuối kỳ - 31/12/2017	**35.268.658**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

BẢN SAO

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
I - Thuế	**(12.384.127)**	**280.943.617**	**281.131.761**	**(12.572.271)**
- Thuế GTGT (*)	(899.351)	258.965.373	258.965.373	(899.351)
- Thuế TNDN (*)	(3.648.503)	13.388.551	15.000.000	(5.259.952)
- Thuế Tài nguyên (*)	(7.836.273)	5.589.693	4.166.388	(6.412.968)
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
II - Các khoản phải nộp khác	**(9.120.483)**	**435.385.401**	**453.281.397**	**(27.016.479)**
- Phí tài nguyên môi trường	32.763.048	370.190.646	383.073.962	19.879.732
- Phí môi trường rừng	6.893.680	32.722.304	37.734.984	1.881.000
- Phạt vi phạm hành chính (*)	(29.030)	20.000.000	20.000.000	(29.030)
- Phạt nộp chậm (*)	(48.748.181)	306.451	306.451	(48.748.181)
- Phí trước bạ	-	5.824.000	5.824.000	-
- Phí nước thải công nghiệp	-	1.500.000	1.500.000	-
- Phí sử dụng đường bộ	-	4.842.000	4.842.000	-
Cộng	**(21.504.610)**	**716.329.018**	**734.413.158**	**(39.588.750)**

Trong đó:	**31/12/2016**	**31/12/2017**
- Chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" là tổng các số dư âm (*) ở Thuyết minh V.7a	61.161.338	61.349.482
- Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" ở Thuyết minh V.7b	39.656.728	21.760.732

8. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	120.396.584	120.396.584	120.396.584	120.396.584
- Kinh phí công đoàn;	2.428.652	2.428.652	2.428.652	2.428.652
- Bảo hiểm xã hội;	12.324.905	12.324.905	-	-
- Bảo hiểm y tế;	2.529.147	2.529.147	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	-	-	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	-	-	-	-
Cộng	**137.679.288**	**137.679.288**	**122.825.236**	**122.825.236**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

BẢN SAO

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	**14.786.040.000**	-	-	-	**(35.736.763)**	**14.750.303.237**
Tăng vốn năm trước	797.673.600	-	-	-	-	797.673.600
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.496.174	40.496.174
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2017	**15.583.713.600**	-	-	-	**4.759.411**	**15.588.473.011**
Tăng vốn năm nay	3.971.311.000	-	-	4.969.000.000	-	8.940.311.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	53.554.204	53.554.204
Tăng khác	222.326.400	-	-	-	-	222.326.400
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(1.020.000.000)	-	-	-	(20.306.451)	(1.040.306.451)
Tại ngày 31/12/2017	**18.757.351.000**	-	-	**4.969.000.000**	**38.007.164**	**23.764.358.164**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

BẢN SAO

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: VND

Thành phần	31/12/2017		31/12/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Pháp nhân - UBND tỉnh Nghệ An	17.599.021.000	93,82%	14.425.383.600	92,57%
Cá nhân	1.158.330.000	6,18%	1.158.330.000	7,43%
	18.757.351.000	**93,82%**	**15.583.713.600**	**92,57%**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**18.757.351.000**	**15.583.713.600**
Vốn góp đầu năm	15.583.713.600	15.583.713.600
Vốn góp tăng trong năm	4.193.637.400	-
Vốn góp giảm trong năm	(1.020.000.000)	-
Vốn góp cuối năm	18.757.351.000	15.583.713.600
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.903.345.076	4.265.678.306
Cộng	**4.903.345.076**	**4.265.678.306**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán hàng và dịch vụ đã cung cấp	3.494.297.068	2.978.670.510
Cộng	**3.494.297.068**	**2.978.670.510**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	219.590	349.707
Cộng	**219.590**	**349.707**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

BẢN SAO

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Phí giao dịch ngân hàng	2.194.383	2.280.032
Cộng	**2.194.383**	**2.280.032**

5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.388.551	1.189.853
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**13.388.551**	**1.189.853**

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	**Năm 2017 VND**	**Năm 2016 VND**
Chi phí Thuế thu nhập hiện hành	13.388.551	1.189.853
	13.388.551	**1.189.853**

(b) Đối chiếu lãi suất thực tế	**Năm 2017 VND**	**Năm 2016 VND**
Lãi kế toán trước thuế	66.942.755	41.686.027
Trong đó:		
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động chính	*66.942.755*	*41.686.027*
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	-	-
Chuyển lỗ được sử dụng		(35.736.763)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	66.942.755	5.949.264
Thuế suất áp dụng	**20%**	**20%**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**13.388.551**	**1.189.853**

VII. Những thông tin khác

1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

BẢN SAO

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT kiểm toán.

Hoàng Thị Thoa
Người lập biểu

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2018

M.S.D.N: 2900619...
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ

Trương Văn Hai
Giám đốc

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5246 Quyển số 01.SCT/BS
NGÀY 13 -12- 2018
CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II TỈNH NGHỆ AN

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ II

Nguyễn Thị Xuân Thu